TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày 10-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Đại

Bà Lý Thị Thiên Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh- Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2018/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ trụ sở: Đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Trần Thị Thùy L; địa chỉ: Đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 2712/2017/UQ- VPB ngày 27/10/2017); có mặt.

Ông Ngô Văn P; địa chỉ: Đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 2712/2017/UQ- VPB ngày 27/10/2017); vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị M; địa chỉ: Phố C, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2017, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày:

Ngày 08/01/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi là "Ngân hàng") đã ký hợp đồng tín dụng số 20140107-133016- 0005 với bà Phạm Thị M với nội dung: Ngân hàng cho bà M vay số tiền 31.500.000 đồng, trong đó vay tiêu dùng là 30.000.000 đồng và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng là 1.500.000 đồng (số tiền mua bảo hiểm dư nợ tín dụng được tính vào số tiền Ngân hàng cho vay và có tính lãi), thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 08/01/2014, lãi suất vay là 2,91%/tháng, mục đích vay: Tiêu dùng, phương thức cho vay: Trả góp gốc và lãi hàng tháng. Theo đó, số tiền cả gốc và lãi hàng tháng bà Phạm Thị M phải trả cho Ngân hàng là 1.425.000 đồng/tháng, tháng cuối cùng trả số tiền 1.422.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân và bà Phạm Thị M đã nhận đầy đủ số tiền 31.500.000 đồng vào ngày 08/01/2014 theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Phạm Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng. Cụ thể: Từ ngày 11/02/2014 đến ngày 19/8/2015, bà Phạm Thị M đã thanh toán trả cho Ngân hàng tổng cộng 19 lần với tổng số tiền là 27.075.000 đồng (mỗi lần trả là 1.425.000 đồng), trong đó nợ gốc là 12.614.226 đồng, nợ lãi là 14.460.774 đồng. Từ ngày 20/8/2015 đến nay, bà Phạm Thị M không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng đã đôn đốc bà M trả nợ nhiều lần nhưng bà M vẫn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị M phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 01/9/2017 theo hợp đồng tín dụng số 20140107- 133016- 0005 ngày 08/01/2014 là 24.222.000 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc: 18.885.774 đồng và tiền nợ lãi: 5.336.226 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không tiến hành được việc lấy lời khai của bà M.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị M phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 01/9/2017 theo hợp đồng tín dụng số 20140107- 133016- 0005 ngày 08/01/2014 là 24.222.000 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc: 18.885.774 đồng và tiền

nợ lãi: 5.336.226 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không yêu cầu tính lãi từ ngày 02/9/2017 cho đến ngày xét xử sở thẩm.

Bà Phạm Thị M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Bà Phạm Thị M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị M cư trú tại: Phố C, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng nên theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà cho thấy: Hợp đồng tín dụng số 20140107- 133016- 0005 ngày 08/01/2014 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bà Phạm Thị M là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân số tiền 31.500.000 đồng cho bà Phạm Thị M vào ngày 08/01/2014 nhưng bà M đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 388, Điều 389, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ các Điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, buộc bà Phạm Thị M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tính đến ngày 01/9/2017 là 24.222.000 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc: 18.885.774 đồng và tiền nợ lãi: 5.336.226 đồng. Bà Phạm Thị M không phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc từ ngày 02/9/2017 cho đến ngày xét xử sở thẩm.

Bà Phạm Thị M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Bà Phạm Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về pháp luật áp dụng:

[1] Hợp đồng tín dụng số 20140107- 133016- 0005 ngày 08/01/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bà Phạm Thị M được ký kết, thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 khi giải quyết tranh chấp áp dụng Bộ luật Dân sự 2005.

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2] Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị M phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị M cư trú tại: Phố C, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng nên theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[3] Ngày 16 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền thụ lý vụ án; đến ngày 28 tháng 02 năm 2018, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXX-ST ngày 28/02/2018 cho bà M nhưng tại phiên toàngày 22/3/2018, bà M vắng mặt lần thứ nhất, không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 161/2018/QĐST-DS ngày 22/3/2018 và đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa trên cho bà M. Tại phiên tòa hôm nay, bà M vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Toà án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Ngày 08/01/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi là "Ngân hàng") đã ký Hợp đồng tín dụng số 20140107-133016- 0005 với bà Phạm Thị M với nội dung: Ngân hàng cho bà M vay số tiền 31.500.000 đồng, trong đó vay tiêu dùng là 30.000.000 đồng và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng là 1.500.000 đồng (số tiền mua bảo hiểm dư nợ tín dụng được tính vào số tiền Ngân hàng cho vay và có tính lãi), thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 08/01/2014, lãi suất vay là 2,91%/tháng, mục đích vay: Tiêu dùng, phương thức cho vay: Trả góp gốc và lãi hàng tháng. Theo đó, số tiền cả gốc và lãi hàng tháng bà Phạm Thị M phải trả cho Ngân hàng là 1.425.000 đồng/tháng, tháng cuối cùng trả số tiền 1.422.000 đồng.

[6] Hợp đồng tín dụng số 20140107- 133016- 0005 ngày 08/01/2014 được ký kết giữa Ngân hàng và bà M, có chữ ký xác nhận của hai bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[7] Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Phạm Thị M đầy đủ số tiền vay 31.500.000 đồng vào ngày 08/01/2014. Bà Mai đã nhận đầy đủ số tiền vay trên nhưng đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Cụ thể: Từ ngày 11/02/2014 đến ngày 19/8/2015, bà Phạm Thị M đã thanh toán trả cho Ngân hàng tổng cộng 19 lần với tổng số tiền là 27.075.000 đồng ((mỗi lần trả là 1.425.000 đồng), trong đó nợ gốc là 12.614.226 đồng, nợ lãi là 14.460.774 đồng được thể hiện tại bản sao kê tài khoản thanh toán do Ngân hàng cung cấp. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện buộc bà Phạm Thị M phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận.

[8] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V buộc bà Phạm Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/9/2017 là 24.222.000 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc: 18.885.774 đồng và tiền nợ lãi: 5.336.226 đồng. Bà Phạm Thị M

không phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc từ ngày 02/9/2017 cho đến ngày xét xử sở thẩm. Bà Phạm Thị M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

+ Về án phí:

[9] Bị đơn bà Phạm Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 24.222.000 đồng x 5% = 1.211.000 đồng.

+ Về quyền kháng cáo:

[10] Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bà Phạm Thị M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 388, Điều 389, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc bà Phạm Thị M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tính đến ngày 01/9/2017 là 24.222.000 đồng (hai mươi bốn triệu hai trăn hai mươi hai nghìn đồng), bao gồm số tiền nợ gốc: 18.885.774 đồng và tiền nợ lãi: 5.336.226 đồng. Bà Phạm Thị M không phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc từ ngày 02/9/2017 cho đến ngày xét xử sở thẩm.

Bà Phạm Thị M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Về án phí: Bà Phạm Thị M phải nộp 1.211.000 (một triệu hai trăm mười một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011778 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Phạm Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mười